

Số: 41... / 2023/CV-JVC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

(V/v: CBTT BCTC năm 2022 đã kiểm  
toán và Giải trình biến động LNST)

**Kính gửi:**

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT
- Mã chứng khoán: JVC
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Thanh Nam**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu :  định kỳ

Nội dung thông tin công bố (\*):

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán như sau:

1. Báo cáo tài chính Năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 31/12/2022) đã được kiểm toán đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:  
<https://yetevietnhat.com.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>
2. Giải trình Báo cáo tài chính Năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 31/12/2022) đã được kiểm toán do kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại BCTC Quý III.2022 so với BCTC năm 2022 đã được kiểm toán có sự biến động hơn 5%, cụ thể như sau:



**a. Báo cáo tài chính riêng Năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 31/12/2022):**

STT	Chỉ tiêu	BCTC Năm 2022 đã được kiểm toán	BCTC Quý III.2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Chi phí bán hàng	47.980.001.578	49.948.571.429	(1.968.569.851)	(3,94%)
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.388.838.721	36.079.141.856	(2.690.303.135)	(7,46%)
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.199.631.457	9.885.303.768	5.314.327.689	53,76%
4	Thu nhập khác	8.666.895.975	8.827.602.940	(160.706.965)	(1,82%)
5	Chi phí khác	1.380.968.770	1.541.675.735	(160.706.965)	(10,42%)
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.485.558.662	17.171.230.973	5.314.327.689	30,95%
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.485.558.662	17.171.230.973	5.314.327.689	30,95%

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng Quý III.2022 so với Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán có sự biến động hơn 5%, Công ty xin được giải trình như sau:

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** giảm 7,46% chủ yếu là do hoàn lại chi phí trích lập dự phòng khoản trả trước cho nhà cung cấp. Đồng thời chỉ tiêu **Chi phí bán hàng** giảm 3,94% khiến **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** tăng 53,76%. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** và **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** tăng tương ứng 30,95%.
- **Thu nhập khác** và **Chi phí khác** giảm 160 triệu do bù trừ lại số cả năm kết quả hoạt động thanh lý tài sản cố định, khiến chỉ tiêu **Chi phí khác** giảm 10,42%.

**b. Báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 31/12/2022)**

STT	Chỉ tiêu	BCTC Năm 2022 đã được kiểm toán	BCTC Quý III.2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Chi phí bán hàng	48.414.483.397	50.383.053.248	(1.968.569.851)	(3,91%)
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.536.292.121	39.226.595.256	(2.690.303.135)	(6,86%)
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.775.914.997	8.532.862.782	5.243.052.215	61,45%
4	Thu nhập khác	10.057.188.888	10.217.895.855	(160.706.967)	(1,57%)

01/04/2022  
 VÀ  
 31/12/2022  
 T.P.

STT	Chỉ tiêu	BCTC Năm 2022 đã được kiểm toán	BCTC Quý III.2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
5	Chi phí khác	1.381.789.849	1.541.842.713	(160.052.864)	(10,38%)
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.451.314.036	17.208.915.924	5.242.398.112	30,46%
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.729.367.733	16.472.708.927	5.256.658.806	31,91%

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III.2022 so với Báo cáo tài chính năm hợp nhất 2022 đã được kiểm toán có sự biến động hơn 5%, Công ty xin được giải trình như sau:

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** giảm 6,86% phần lớn đến từ việc công ty mẹ hoàn lại chi phí trích lập dự phòng khoản trả trước cho nhà cung cấp. Đồng thời chỉ tiêu **Chi phí bán hàng** giảm 3,91% khiến **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** tăng 61,45%. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** và **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** tăng tương ứng 30,46% và 31,91%.

- **Thu nhập khác** và **Chi phí khác** cùng giảm 160 triệu đồng do bù trừ lại số cả năm kết quả hoạt động thanh lý tài sản cố định, khiến chỉ tiêu **Chi phí khác** giảm 10,38%.

3. Giải trình Báo cáo tài chính Năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 - 31/12/2022) đã được kiểm toán do Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. và Lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này. cụ thể như sau:

**a. Báo cáo tài chính riêng Năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 31/12/2022)**

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.533.099.204	392.274.686.572	(741.587.368)	(0,19%)
2	Giá vốn hàng bán	299.946.230.569	349.456.054.077	(49.509.823.508)	(14,17%)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.586.868.635	42.818.632.495	48.768.236.140	113,89%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.388.838.721	26.959.891.862	6.428.946.859	23,85%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.199.631.457	(22.200.890.179)	37.400.521.636	168,46%
6	Lợi nhuận khác	7.285.927.205	(3.801.254.687)	11.087.181.892	291,67%

7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.485.558.662	(26.002.144.866)	48.487.703.528	186,48%
8	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.485.558.662	(26.002.144.866)	48.487.703.528	186,48%

**Giải trình chênh lệch:**

Năm 2021 kỳ báo cáo được tính từ 01/04/2021 đến 31/03/2022 (kỳ hoạt động 12 tháng) còn năm 2022 kỳ báo cáo được tính từ 01/04/2022 đến 31/12/2022 (kỳ hoạt động 09 tháng) nên các chi phí cố định thuộc giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng năm 2022 sẽ luôn thấp hơn năm 2021. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của 2 năm tài chính không có sự chênh lệch nhiều, tuy nhiên Giá vốn hàng bán lại giảm đáng kể 14,17% phần lớn là do Giá vốn của hoạt động liên kết giảm.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp** tăng 23,85% do trong năm 2022 công ty mở rộng thêm các bộ phận kinh doanh, tuyển dụng nhân sự chất lượng, Chế độ đãi ngộ tăng, thưởng doanh số tăng tương ứng với tốc độ tăng trưởng KQKD.

**Lợi nhuận khác tăng 186,48%** do năm 2022 không phát sinh chi phí tổn thất từ hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và vận hành phòng khám đa khoa quốc tế như năm 2021 đã ghi nhận.

=> Từ những biến động trên, **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** tăng 186,48%, khiến Lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ kỳ trước sang lãi kỳ này.

**b. Báo cáo tài chính hợp nhất Năm 2022 (giai đoạn 01/04/2022 – 31/12/2022)**

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	396.301.043.970	391.228.034.092	5.073.009.878	1,30%
2	Giá vốn hàng bán	306.179.779.233	350.699.081.977	(44.519.302.744)	(12,69%)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.121.264.737	40.528.952.115	49.592.312.622	122,36%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.536.292.121	28.900.937.787	7.635.354.334	26,42%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.775.914.997	(25.742.453.185)	39.518.368.182	153,51%
6	Lợi nhuận khác	8.675.399.039	(3.704.297.218)	12.379.696.257	334,20%
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.451.314.036	(29.446.750.403)	51.898.064.439	176,24%
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	721.946.303	519.281.161	202.665.142	39,03%

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2021 đến 31/03/2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.729.367.733	(29.966.031.564)	51.695.399.297	172,51%

**Giải trình chênh lệch:**

Năm 2021 kỳ báo cáo được tính từ 01/04/2021 đến 31/03/2022 (kỳ hoạt động 12 tháng) còn năm 2022 kỳ báo cáo được tính từ 01/04/2022 đến 31/12/2022 (kỳ hoạt động 09 tháng) nên các chi phí cố định thuộc giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng năm 2022 sẽ luôn thấp hơn năm 2021. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của 2 năm tài chính không có sự chênh lệch nhiều, tuy nhiên Giá vốn hàng bán lại giảm đáng kể 12,69% phần lớn là do Giá vốn của hoạt động liên kết giảm.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp** tăng 26,42% do trong năm 2022 công ty mở rộng thêm các bộ phận kinh doanh, tuyển dụng nhân sự chất lượng, Chế độ đãi ngộ tăng, thưởng doanh số tăng tương ứng với tốc độ tăng trưởng KQKD.

**Lợi nhuận khác tăng 334,20%** do năm 2022 không phát sinh chi phí tổn thất từ hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và vận hành phòng khám đa khoa quốc tế như năm 2021 đã ghi nhận.

=> Từ những biến động trên, **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** tăng 172,51%, khiến Lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ kỳ trước sang lãi kỳ này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VP.



**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**PHẠM THANH NAM**

